

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MAI S  
TỈNH S LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 09/2020/QĐST-HNGĐ

*Mai S, ngày 10 tháng 11 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI S, TỈNH S LA**

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 20/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Chị Lò Thị P, sinh năm 1983; NĐKHKT: Bản N, V, xã M, B, huyện Mai S, tỉnh S La.

Anh Lò Văn S, sinh năm 1984; NĐKHKT: Bản H, xã T, H, huyện Mai S, tỉnh S La.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Chị Lò Thị P và anh Lò Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2004 do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, B, huyện Mai S vào ngày 08/05/2004.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do anh S không tu chí làm ăn thường xuyên tụ tập bạn bè, uống rượu không chăm lo cho gia đình, cuộc sống hôn không hạnh phúc, đã nhiều lần dẫn đến xô xát ảnh hưởng đến sự phát triển, tình cảm của các con. Mặc dù đã được 02 gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng anh chị xác định không thể tiếp tục chung sống với nhau. Nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay trong suốt thời gian ly thân anh chị đều nhận thấy

tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mâu thuẫn trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống chung nên thống nhất thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải, chị P, anh S vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị P, anh S.

[2] Về con chung: Chị P, anh S có 02 con chung là các cháu Lò Minh H, sinh ngày 03/05/2005 và cháu Lò Mạnh T, sinh ngày 24/07/2013. Chị P, anh S thống nhất: Chị P nhận trực tiếp chăm sóc và giáo dục cháu Lò Mạnh T cho tới khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) anh S nhận trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Lò Minh cho tới khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung của hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Chị P, anh S không có tài sản chung. Nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung vợ chồng: Chị P, anh S không có nợ chung. Nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Chị P tự nguyện nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị P và anh Lò Văn S nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Lò Mạnh T, sinh ngày 24/07/2013 cho chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu T cho tới khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) giao cháu Lò Minh H, sinh ngày 03/05/2005 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu S trưởng thành (đủ 18 tuổi). Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, các bên được quyền thăm nom con, không ai được cản trở các bên thực hiện quyền này theo quy định của Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung vợ chồng: Chị P, anh S không có tài sản chung. Nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lò Thị P nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0000198 ngày 26 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai S.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Nơi nhận:*

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai S;
- UBND xã M, B;
- Tòa án nhân dân tỉnh S la;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Thị Kiều Anh**